DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐỢT 1 - 2 -3 NĂM 2020

STT	Số ghế	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Khóa học	Dự lễ
1		B1703740	Đoàn Thanh Tại	14/02/1999		Hóa học	43	X
2		S1700005	Nguyễn Đoàn Trường An	11/06/1993		Hóa học	43	X
3		B1604275	Võ Thoại Ngân	23/10/1997	N	Hóa học	42	X
4		B1504760	Nguyễn Lê Hiền Hậu	10/01/1997		Hóa học	41	
5		B1504777	Phan Kiều Nhanh	1997	N	Hóa học	41	
6		B1610365	Võ Thị Bích Tiên	20/11/1997	N	Hóa học	42	X
7		B1604317	Nguyễn Thế Vĩ	15/09/1997		Hóa học	42	
8		B1604237	Nguyễn Phạm Hoài Vinh	27/04/1998		Hóa học	42	X
9		B1604173	Trần Công Định	03/07/1997		Hóa học	42	X
10		B1610368	Vũ Thị Hải Yến	25/02/1998	N	Hóa học	42	
11		B1604241	Mã Miên Xương	08/07/1998		Hóa học	42	X
12		B1610390	Trần Nguyễn Thiên Thanh	01/02/1998	N	Hóa học	42	X
13		B1401362	Nguyễn Công Bình	11/04/1994		Hóa học/Hóa dược	40	
14		B1604175	Chống Kim Thiên Đức	28/01/1998		Hóa học/Hóa dược	42	X
15		B1604198	Nguyễn Thị Kim Ngọc	20/09/1996	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
16		B1604200	Hồ Thị Yến Nhi	09/01/1997	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
17		B1604239	Lê Nguyễn Thúy Vy	14/11/1997	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
18		B1604300	Mạc Kỉnh Anh Thư	06/03/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	
19		B1604259	Nguyễn Trần Đức Huy	18/10/1998		Hóa học/Hóa dược	42	X
20		B1604292	Phan Thị Tại	12/07/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
21		B1604320	Trần Thị Cẩm Xuyến	07/10/1997	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
22		B1604183	Phạm Ngọc Khang	09/11/1998		Hóa học/Hóa dược	42	X
23		B1604282	Nguyễn Ái Nhi	20/01/1997	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
24		B1604270	Lê Quang Luân	10/01/1998		Hóa học/Hóa dược	42	X
25		B1604248	Thái Hồng Dân	01/01/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
26		B1604165	Dương Phương Anh	10/05/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
27		B1604265	Võ Văn Tuấn Kiệt	08/12/1997		Hóa học/Hóa dược	42	X
28		B1604279	Cao Thị Yến Nhi	04/09/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
29		B1401457	Huỳnh Nhã Tuấn	01/12/1996		Hóa học/Hóa dược	40	
30		B1604278	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	19/10/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
31		B1401393	Nguyễn Phúc Khải	07/06/1995		Hóa học/Hóa dược	40	X
32		B1203560	Trần Phước Hòa	21/08/1994		Hóa học/Hóa dược	38	
33		B1504684	Thi Bình An	29/05/1997		Hóa học/Hóa dược	41	X

STT	Số ghế	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Khóa học	Dự lễ
34		B1304024	Huỳnh Văn Chung	16/02/1992		Hóa học/Hóa dược	39	
35		B1604234	Phạm Văn Tuấn	04/04/1998		Hóa học/Hóa dược	42	X
36		B1604236	Phạm Quốc Việt	25/11/1995		Hóa học/Hóa dược	42	X
37		B1604166	Huỳnh Thị Ngọc Ánh	01/01/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
38		B1604301	Nguyễn Trần Anh Thư	20/07/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
39		B1604182	Hồ Thị Ngọc Hương	06/11/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
40		B1604240	Võ Ngọc Khánh Vy	25/06/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
41		B1611149	Dương Thị Ngọc Lanh	05/05/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
42		B1604197	Phạm Thị Bé Ngoan	01/01/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
43		B1610352	Ngô Ngọc Gia Khương	18/03/1997	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
44		B1604256	Phạm Ngọc Hân	07/10/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	
45		B1604244	Võ Duy An	22/09/1998		Hóa học/Hóa dược	42	X
46		B1604169	Phạm Thị Duy	07/05/1997	N	Hóa học/Hóa dược	42	
47		B1604232	Mai Nhã Trúc	14/03/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
48		B1604235	Hồ Văn Tý	27/07/1997		Hóa học/Hóa dược	42	X
49		B1504795	Phan Kim Tiên	03/12/1996	N	Hóa học/Hóa dược	41	
50		B1604177	Bùi Nguyễn Minh Hằng	10/04/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
51		B1604261	Đỗ Thị Mỹ Hương	01/03/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
52		B1604179	Huỳnh Thị Ngọc Hồng	01/01/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
53		B1604195	Trần Thị Kim Ngân	09/06/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
54		B1604176	Võ Thị Mỹ Hạnh	04/10/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
55		B1604273	Trần Khánh My	03/06/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
56		B1504771	Huỳnh Quang Minh	12/02/1997		Hóa học/Hóa dược	41	X
57		B1610358	Nguyễn Thị Linh Nhi	01/02/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
58		B1604290	Thạch Thị Bô Ra	16/06/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	
59		B1610392	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	10/02/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
60		B1604257	Phạm Thu Hằng	16/02/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
61		B1604306	Nguyễn Thị Bích Trâm	02/12/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
62		B1604246	Đoàn Ngọc Bích	24/10/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
63		B1604321	Bùi Thị Ngọc Yến	01/06/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	
64		B1610349	Lai Hữu Hiếu	08/11/1998		Hóa học/Hóa dược	42	X
65		B1604297	Lê Thị Hồng Thắm	04/09/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
66		B1604201	Lê Thị Yến Nhi	27/05/1997	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
67		B1604284	Hà Thị Thảo Nhu	24/08/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
68		B1604209	Nguyễn Thành Hữu Phước	04/05/1998		Hóa học/Hóa dược	42	X

STT	Số ghế	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Khóa học	Dự lễ
69		B1604287	Phan Trúc Nữ	21/10/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
70		B1604285	Hồ Huỳnh Như	07/03/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
71		B1610370	Nguyễn Thị Bé Bảy	19/03/1997	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
72		B1610347	Nguyễn Thị Hồng Gấm	16/06/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
73		B1610359	Nguyễn Thị Nu	15/05/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
74		B1610372	Dương Ngọc Bích Duyên	16/08/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
75		B1610363	Nguyễn Hữu Thắng	23/01/1998		Hóa học/Hóa dược	42	X
76		B1604206	Trình Thị Bích Như	20/12/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
77		B1610384	Huỳnh Thị Thảo Nguyên	16/03/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
78		B1610357	Ong Anh Nhân	29/06/1998		Hóa học/Hóa dược	42	X
79		B1401490	Nguyễn Đức Nguyên Định	21/01/1992	N	Hóa học/Hóa dược	40	X
80		B1610375	Nguyễn Huỳnh Giao	20/06/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
81		B1604271	Trần Trung Nguyễn Lữ	11/04/1998		Hóa học/Hóa dược	42	X
82		B1610367	Lê Thị Thúy Vân	23/02/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	X
83		B1610364	Bùi Thị Mai Tiên	24/03/1998	N	Hóa học/Hóa dược	42	
84		B1401518	Nguyễn Thị Ngà My	26/06/1996	N	Hóa học/Hóa dược	40	X
85		B1505659	Nguyễn Trúc Linh	12/04/1997	N	Sinh học	41	
86		B1605088	Trần Thị Thu Lan	07/04/1998	N	Sinh học	42	X
87		B1605095	Nguyễn Thị Kim Ngân	04/07/1998	N	Sinh học	42	X
88		B1605103	Nguyễn Phạm Hồng Nhung	30/06/1998	N	Sinh học	42	X
89		B1605108	Trần Đông Quân	06/03/1998		Sinh học	42	X
90		B1605116	Nguyễn Thị Kim Thùy	26/11/1997	N	Sinh học	42	X
91		B1605120	Nguyễn Dũ Phụng Tiên	14/03/1998	N	Sinh học	42	X
92		B1605121	Nguyễn Sông Tiền	20/04/1998	N	Sinh học	42	X
93		B1605126	Huỳnh Thị Ngọc Trân	07/07/1998	N	Sinh học	42	X
94		B1605138	Nguyễn Thị Huyền Chân	09/03/1997	N	Sinh học	42	X
95		B1605144	Trần Thảo Duyên	14/09/1998	N	Sinh học	42	X
96		B1605156	Bùi Huỳnh Liên	29/04/1998	N	Sinh học	42	X
97		B1605159	Vũ Lương Hương Ly	29/06/1998	N	Sinh học	42	X
98		B1605172	Lương Hoa Ninh	01/10/1997	N	Sinh học	42	X
99		B1605192	Bùi Ngọc Bảo Trân	01/01/1998	N	Sinh học	42	X
100		B1605196	Dương Anh Tú	10/09/1998	N	Sinh học	42	X
101		B1505608	Nguyễn Thị Yến Nhi	04/02/1997	N	Sinh học	41	X
102		B1500119	Trần Anh Thi	21/12/1995	N	Sinh học	41	X
103		B1605092	Phan Thị Trúc Ly	29/03/1998	N	Sinh học	42	

STT	Số ghế	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Khóa học	Dự lễ
104		B1605101	Hồ Tuyết Nhi	04/02/1998	N	Sinh học	42	
105		B1605119	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	29/08/1998	N	Sinh học	42	X
106		B1605065	Nguyễn Thị Huyền Anh	24/10/1998	N	Sinh học	42	X
107		B1605094	Nguyễn Hoàng My	09/09/1998	N	Sinh học	42	X
108		B1605125	Sau Thị Ái Trâm	01/08/1998	N	Sinh học	42	X
109		B1605132	Dương Nguyễn Hà Mỹ Xuyên	06/06/1998	N	Sinh học	42	X
110		B1605162	Ngũ Thị Thanh Ngân	21/12/1998	N	Sinh học	42	X
111		B1605198	Nguyễn Hà Thảo Vân	02/07/1998	N	Sinh học	42	X
112		B1605081	Lê Bích Hậu	19/12/1998	N	Sinh học	42	X
113		B1605084	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/07/1998	N	Sinh học	42	X
114		B1605183	Trương Thị Minh Thùy	07/09/1998	N	Sinh học	42	X
115		B1605140	Nguyễn Tiến Cường	15/10/1998		Sinh học	42	
116		B1605175	Đặng Thị Tú Quyên	19/05/1998	N	Sinh học	42	X
117		B1605195	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12/03/1998	N	Sinh học	42	X
118		B1605133	Phạm Thị Kim Anh	27/05/1998	N	Sinh học	42	X
119		B1605189	Điền Thị Phương Trang	13/01/1998	N	Sinh học	42	X
120		B1605076	Nguyễn Dương Kiều Duyên	23/09/1998	N	Sinh học	42	X
121		B1505665	Trịnh Dương Hạnh My	12/06/1997	N	Sinh học	41	X
122		B1604967	Nguyễn Thị Ngọc Lạnh	01/03/1998	N	Toán ứng dụng	42	X
123		B1604970	Trần Bảo Linh	16/05/1998		Toán ứng dụng	42	X
124		B1604993	Huỳnh Trung Tính	22/04/1998		Toán ứng dụng	42	X
125		B1604960	Nguyễn Văn Huynh	08/12/1998		Toán ứng dụng	42	X
126		B1604986	Phạm Chí Thiện	24/04/1998		Toán ứng dụng	42	X
127		B1604977	Huỳnh Thị Yến Nhi	09/03/1998	N	Toán ứng dụng	42	X
128		B1604988	Nguyễn Thị Thơi Thới	08/03/1998	N	Toán ứng dụng	42	X
129		B1604995	Lê Nguyễn Kiều Trinh	16/06/1998	N	Toán ứng dụng	42	
130		B1604984	Mai Thị Hồng Thắm	07/12/1997	N	Toán ứng dụng	42	X
131		B1505448	Lê Thị Diễm Hương	25/05/1996	N	Toán ứng dụng	41	X
132		B1604991	Trần Nguyễn Anh Thư	28/04/1998	N	Toán ứng dụng	42	X
133		B1505459	Từ Kim Phụng	07/09/1997	N	Toán ứng dụng	41	X
134		B1604976	Trần Hồng Ngọc	17/02/1998	N	Toán ứng dụng	42	X
135		B1505467	Trần Kim Trang	15/02/1997	N	Toán ứng dụng	41	X
136		B1505426	Hồ Thị Kim Quyên	25/08/1997	N	Toán ứng dụng	41	
137		B1505439	Nguyễn Thị Tú Anh	19/07/1997	N	Toán ứng dụng	41	X
138		B1505461	Ngô Thị Quyên	19/09/1997	N	Toán ứng dụng	41	

STT	Số ghế	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Khóa học	Dự lễ
139		B1505455	Dương Thị Thanh Nhanh	15/06/1996	N	Toán ứng dụng	41	X
140		B1505432	Nguyễn Thị Đài Trang	23/02/1997	N	Toán ứng dụng	41	X
141		B1505410	Lê Thị Ngọc Hân	22/09/1997	N	Toán ứng dụng	41	X
142		B1505407	Lương Kiều Duyên	23/07/1997	N	Toán ứng dụng	41	X
143		B1505449	Nguyễn Duy Khương	1997		Toán ứng dụng	41	X
144		B1505433	Nguyễn Thị Huyền Trân	26/09/1997	N	Toán ứng dụng	41	X
145		B1505430	Lê Diễm Thúy	08/08/1997	N	Toán ứng dụng	41	X
146		B1604987	Trần Thị Thiện	07/02/1998	N	Toán ứng dụng	42	X
147		B1604992	Võ Thị Cẩm Tiên	15/01/1998	N	Toán ứng dụng	42	X
148		B1605003	Nguyễn Lê Thảo Vy	02/09/1997	N	Toán ứng dụng	42	X
149		B1604997	Nguyễn An Trường	12/06/1998		Toán ứng dụng	42	X
150		B1604989	Nguyễn Thị Kim Thu	06/05/1998	N	Toán ứng dụng	42	X
151		B1604980	Nguyễn Lý Nguyệt Sang	18/01/1998	N	Toán ứng dụng	42	X
152		B1604985	Phan Thị Hồng Thắm	06/09/1998	N	Toán ứng dụng	42	X
153		B1604961	Trần Minh Huyền	08/01/1998	N	Toán ứng dụng	42	X
154		B1604956	Nguyễn Ngân Hà	01/01/1997	N	Toán ứng dụng	42	X
155		B1505462	Nguyễn Lý Thảo Quỳnh	01/06/1997	N	Toán ứng dụng	41	
156		B1604994	Trần Thị Ngọc Trâm	06/07/1998	N	Toán ứng dụng	42	X
157		B1610458	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	11/10/1998	N	Toán ứng dụng	42	X
158		B1604974	Võ Trọng Nghị	27/01/1998		Toán ứng dụng	42	X
159		B1604968	Phạm Thị Huỳnh Liên	02/09/1998	N	Toán ứng dụng	42	X
160		B1604953	Huỳnh Kim Cương	13/04/1998	N	Toán ứng dụng	42	X
161		B1604982	Phan Nhật Tảo	22/02/1998		Toán ứng dụng	42	X
162		B1505463	Lý Tài	22/05/1997		Toán ứng dụng	41	
163		B1505453	Dương Hửu Ngân	25/04/1997	N	Toán ứng dụng	41	
164		B1605491	Tăng Hoàng Thiên Ân	20/01/1998	N	Vật lý kỹ thuật	42	X
165		B1605492	Huỳnh Ngọc Bảo	10/05/1998		Vật lý kỹ thuật	42	X
166		B1505988	Trần Thị Tường Vi	25/11/1997	N	Vật lý kỹ thuật	41	X
167		B1505957	Nguyễn Văn Nghĩa	06/05/1997		Vật lý kỹ thuật	41	
168		B1505951	Huỳnh Hùng Mạnh	10/04/1997		Vật lý kỹ thuật	41	X
169		B1505978	Lê Thị Thanh Thủy	02/03/1997	N	Vật lý kỹ thuật	41	
170		B1505928	Hứa Vũ Thiệu Bằng	29/08/1997		Vật lý kỹ thuật	41	
171		B1505925	Nguyễn Thị Ngọc Anh	02/04/1997	N	Vật lý kỹ thuật	41	X
172		B1505983	Huỳnh Dương Ngọc Ái Trân	22/08/1997	N	Vật lý kỹ thuật	41	X
173		B1505960	Lâm Khả Nhi	20/03/1997	N	Vật lý kỹ thuật	41	X

STT	Số ghế	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Khóa học	Dự lễ
174		B1401725	Trần Anh Thơ	14/07/1996	N	Vật lý kỹ thuật	40	
175		B1505952	Tống Thủy My	11/04/1996	N	Vật lý kỹ thuật	41	
176		B1605537	Điệp Hoài Thương	16/07/1997	N	Vật lý kỹ thuật	42	X
177		B1505937	Huỳnh Phan Thành Đô	17/11/1997		Vật lý kỹ thuật	41	X
178		B1605535	Trần Thị Thanh Thúy	27/11/1998	N	Vật lý kỹ thuật	42	X
179		B1605540	Phạm Thị Kim Trung	29/05/1998	N	Vật lý kỹ thuật	42	
180		B1605542	Trần Hải Vân	21/05/1998	N	Vật lý kỹ thuật	42	X
181		B1605524	Lê Nguyễn Khang Quyên	19/09/1998	N	Vật lý kỹ thuật	42	X
182		B1605513	Lê Thị Thùy Loan	21/10/1998	N	Vật lý kỹ thuật	42	X
183		B1605504	Tô Thị Diễm Huyền	14/08/1998	N	Vật lý kỹ thuật	42	X
184		B1505984	Phan Diễm Trinh	17/07/1996	N	Vật lý kỹ thuật	41	
185		B1605525	Lê Thị Thuý Quyên	13/07/1998	N	Vật lý kỹ thuật	42	X
186		B1605498	Võ Văn Đạt	02/03/1998		Vật lý kỹ thuật	42	X
187		B1605528	Phạm Minh Sang	15/02/1998		Vật lý kỹ thuật	42	X
188		B1605490	Nguyễn Khánh Anh	06/10/1998		Vật lý kỹ thuật	42	X
189		B1605519	Nguyễn Thị Như Ngọc	20/07/1998	N	Vật lý kỹ thuật	42	X
190		B1605529	Danh Bửu Tài	25/12/1998		Vật lý kỹ thuật	42	X
191		B1605543	Đinh Xuân Vinh	06/01/1998		Vật lý kỹ thuật	42	
192		B1605518	Châu Thị Kim Ngân	13/10/1998	N	Vật lý kỹ thuật	42	X
193		B1605499	Nguyễn Thị Nhật Điểm	08/08/1998	N	Vật lý kỹ thuật	42	
194		B1605510	Danh Liêu	18/09/1998		Vật lý kỹ thuật	42	X
195		B1605506	Lâm Tuyết Kha	03/03/1998	N	Vật lý kỹ thuật	42	X
196		B1605500	Sơn Thị Mai Đoan	10/01/1997	N	Vật lý kỹ thuật	42	X
197		B1605505	Trần Ngọc Huỳnh	24/07/1998	N	Vật lý kỹ thuật	42	X
198		B1605496	Thị Thu Đa	29/09/1998	N	Vật lý kỹ thuật	42	X
199		B1605493	Sơn Hoàng Danh	09/06/1998		Vật lý kỹ thuật	42	X
200		B1605538	Nguyễn Cẩm Tiên	29/09/1998	N	Vật lý kỹ thuật	42	X
201		B1401702	Nguyễn Thành Ngoan	02/05/1996		Vật lý kỹ thuật	40	
202		B1605523	Hà Tấn Phú	19/12/1996		Vật lý kỹ thuật	42	
203		B1511107	Ngô Khoa Đăng	19/10/1997		Vật lý kỹ thuật	41	X
204		B1505968	Trần Văn Tấn	29/01/1997		Vật lý kỹ thuật	41	
205		B1505963	Huỳnh Như	15/07/1995	N	Vật lý kỹ thuật	41	X
206		B1401723	Võ Phan Thiết	19/08/1996		Vật lý kỹ thuật	40	
207		B1401715	Nguyễn Minh Quang	22-04-96		Vật lý kỹ thuật	40	